

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN MẮT

Số: 367/BVMNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 30 tháng 12 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Nghệ An.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Mắt Nghệ An

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 0269/SYT-GPHĐ, do Sở Y tế Nghệ An, cấp ngày 11 tháng 12 năm 2015.

Địa chỉ: Số 105 Lý Thường Kiệt, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ths.Bs. Nguyễn Hữu Lê

Điện thoại liên hệ: 0238.3585.227 Email (nếu có): benhvienmatnghean.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
2. Trình độ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2).*
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2)*
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3).*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (kèm theo)

Thủ trưởng cơ sở


Nguyễn Hữu Lê

PHỤ LỤC 1

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)**

ST T	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Mắt	Thực hành Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Viêm, loét giác mạc; Đục thủy tinh thể; Glacom góc đóng nguyên phát.....	Khoa Tổng hợp Glacom	3	30	25	75	0	30
2		Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Mắt		Khoa Kết Giác mạc	3	30	25	75	0	30
3		Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Mắt		Khoa Đáy mắt màng bồ đào	1	10	25	75	0	10
4		Đại học	Y đa khoa/Y khoa	Mắt		Khoa Khám bệnh Cận lâm sàng	3	30	0	0	0	30
Tổng cộng							10	100	75	225	0	100



ST T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Nguyễn Hữu Lê	THS	Nhân khoa	004803/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	4	Mắt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Viêm, loét Giác mạc	Khoa Kết Giác mạc	25
5	Nguyễn Duy Huy	CKI	Nhân khoa	001940/BD-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	6	Mắt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Viêm, loét Giác mạc		
6	Văn Thị Lan Phương	BS Nội trú	Nhân khoa	009255/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	2	Mắt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Viêm kết mạc; Bình bệnh án		
7	Dư Hải Nam	THS	Nhân khoa	009262/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	2	Mắt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Viêm màng bồ đào; Bình bệnh án	Khoa Đáy mắt Màng bồ đào	25
8	Nguyễn Thị Vân	CKI	Nhân khoa	002221/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	6	Mắt	Hướng dẫn sử dụng sinh hiển vi khám bệnh	Khoa Khám bệnh Cận lâm sàng	
9	Nguyễn Hữu Vinh	CKI	Nhân khoa	002722/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	5	Mắt	Hướng dẫn sử dụng sinh hiển vi khám bệnh		
10	Lưu Thùy Linh	CKI	Nhân khoa	002728/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	5	Mắt	Hướng dẫn sử dụng sinh hiển vi khám bệnh		

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bảng tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ Đại học/Y khoa/Nội; Đại học Y khoa/Ngoại;...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

ST T	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/tin chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phan Trọng Dũng	THS	Nhân khoa	009253/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	2	Mắt	Hướng dẫn sử dụng sinh hiển vi khám bệnh; Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Glacom góc đóng nguyên phát; Giải phẫu Nhãn cầu; Bệnh bệnh án;	Khoa Tổng hợp Glacom	25
2	Phạm Văn Minh	CKII	Nhân khoa	000489/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	6	Mắt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Đục thủy tinh thể; Chẩn đoán, xử trí ban đầu và điều trị, chăm sóc bệnh nhân Chấn thương Mắt		
3	Nguyễn Hữu Dũng	THS	Nhân khoa	002726/NA-CCHN	KCB chuyên khoa Mắt	5	Mắt	Tình hình mù lòa và chương trình Thị giác toàn cầu Vision 2020		



PHỤ LỤC 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Dựa trên chương trình thực hành)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
A	<i>Khoa Tổng hợp Glacom</i>		
1	Hội trường giảng dạy	1	
2	Văn phòng khoa	1	
3	Phòng trực	1	
4	Giường bệnh	25	
5	Hệ thống Phòng khám bệnh	1	
6	Hệ thống Máy tính, máy chiếu, màn chiếu, bàn ghế, đồ dùng văn phòng...	2	
7	Bộ dụng cụ cắt chỉ	2	
8	Bộ dụng cụ chích cháp	2	
9	Bộ dụng cụ kẹp bờ mi	3	
10	Máy hấp dụng cụ	1	
11	Đèn soi bóng đồng tử	2	
12	Đèn soi đáy mắt cầm tay	3	
13	Đèn tiểu phẫu	2	
14	Kính soi góc tiền phòng	1	
15	Kính Vold 90D	1	
16	Máy chắm tâm	1	
17	Máy chiếu bảng thị lực	1	
18	Thước Parang	1	
19	Giấy nhuộm Fluorescein		
20	Mô hình giải phẫu mắt	2	
21	Sinh hiển vi khám bệnh Sin-Nippon	1	
22	Sinh hiển vi khám mắt	1	
B	<i>Khoa Đáy mắt màng bồ đào</i>		
1	Hội trường giảng dạy	1	
2	Văn phòng khoa	1	
3	Phòng trực	1	
4	Giường bệnh	25	
5	Hệ thống Phòng khám bệnh	1	
6	Hệ thống Máy tính, máy chiếu, màn chiếu, bàn ghế, đồ dùng văn phòng...	2	
7	Bộ dụng cụ cắt chỉ	4	
8	Bộ dụng cụ chích cháp	2	
9	Bộ dụng cụ kẹp bờ mi	2	
10	Đèn soi bóng đồng tử	2	
11	Đèn soi đáy mắt cầm tay	3	

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
12	Đèn tiêu phẫu	2	
13	Kính soi góc tiền phòng	1	
14	Kính Vold 90D	1	
15	Máy hấp dụng cụ	1	
16	Sinh hiển vi khám mắt có Camera	2	
17	Sinh hiển vi khám mắt Inami	2	
18	Hộp thử kính	3	
19	Kính laze mỏng mắt	1	
20	Kính Laze YAG	1	
C	Khoa Kết giác mạc		
1	Hội trường giảng dạy	1	
2	Văn phòng khoa	1	
3	Phòng trực	1	
4	Giường bệnh	25	
5	Hệ thống Phòng khám bệnh	1	
6	Hệ thống Máy tính, máy chiếu, màn chiếu, bàn ghế, đồ dùng văn phòng...	2	
7	Bộ dụng cụ cắt chỉ	2	
8	Bộ dụng cụ chích chấp	2	
9	Bộ dụng cụ kẹp bờ mi	2	
10	Đèn soi bóng đồng từ	2	
11	Đèn soi đáy mắt cầm tay	3	
12	Đèn tiêu phẫu	2	
13	Kính soi góc tiền phòng	2	
14	Kính Vold 90D	1	
15	Máy hấp dụng cụ	1	
16	Sinh hiển vi khám mắt Nidex	2	
17	Sinh hiển vi phẫu thuật OM8	1	
18	Đèn tiêu phẫu Akiko	1	
19	Hộp thử kính	3	
20	Kính hiển vi quang học E100	1	